

## NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG NGÔN NGỮ GIÚP HỌC SINH LỚP 4 HỌC TỐT VĂN MIÊU TẢ

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG\* - ĐINH THỊ HỒNG MINH\*\* -  
HOÀNG THẢO VY\*\*\*

**TÓM TẮT:** Bài báo đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ giúp học sinh lớp 4 học tốt văn miêu tả. Kỹ năng sử dụng từ ngữ và diễn đạt còn hạn chế là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hiệu quả học tập môn Tập làm văn. Trên cơ sở đó, bài báo đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm phát triển vốn từ, khả năng quan sát và diễn đạt miêu tả cho học sinh. Các giải pháp được xây dựng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và điều kiện thực tế của trường tiểu học. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng dạy học văn miêu tả ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ.

**TỪ KHÓA:** Giải pháp; khả năng ngôn ngữ; miêu tả; nâng cao chất lượng; phát triển vốn từ...

**NHẬN BÀI:** 11/08/2025.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 14/10/2025

## 1. Đặt vấn đề

Văn miêu tả, từ lâu đã là thể loại văn được các nhà nghiên cứu quan tâm. Theo tác giả Trần Mạnh Hương - *Luyện tập về cảm thụ văn học ở Tiểu học* cho rằng: Miêu tả là lấy nét vẽ hoặc câu văn để biểu hiện cái chân tướng của sự vật ra. Lê Anh Xuân (chủ biên) - *Rèn kỹ năng Tập làm văn cho học sinh lớp 4* cũng nhận xét: Miêu tả dùng ngôn ngữ hoặc một phương tiện nghệ thuật nào đó làm cho người khác có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm của con người. Văn miêu tả có những đặc trưng riêng biệt, có giá trị sâu sắc trong đời sống tinh thần của con người. Miêu tả là vẽ ra các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người... bằng ngôn ngữ một cách sinh động, cụ thể. Trong cuốn *Rèn kỹ năng Tập làm văn lớp 4* tác giả Vũ Khắc Tuân cũng nhận định: Văn miêu tả là sự kết tinh của những nhận xét tinh tế, những rung động sâu sắc mà người viết thu lượm khi quan sát cuộc sống. Mới đây trong cuốn Tài liệu bồi dưỡng môn Tiếng Việt - Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 cũng đưa ra đánh giá: Bao giờ người viết cũng đánh giá chúng theo một quan điểm thẩm mỹ và gửi vào bài viết tình cảm hay ý kiến đánh giá, bình luận của mình. Do vậy, từng chi tiết của bài miêu tả đều mang ấn tượng cảm xúc chủ quan. Một bài văn miêu tả được coi là sinh động, tạo hình khi các sự vật, đồ vật, con người... được miêu tả hiện lên qua từng câu, từng dòng như trong cuộc sống thực, tưởng như có thể cầm được, có thể nhìn, ngấm được hoặc "sờ mó" được như cách nói của Gorki.

Ở cấp tiểu học, môn học Tiếng Việt có lượng chiếm khoảng 50% thời lượng học tập của học sinh.

Ngoài hai năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học), cũng như các môn học và các hoạt động giáo dục khác môn học này còn góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung cho người học. Tiếng Việt 4 chú trọng phát triển kỹ năng viết, luôn được coi là môn học khó dạy và học khó nhất. Hoạt động viết bài văn, đoạn văn phải đảm bảo sự kết nối giữa nội dung viết với chủ điểm chung của bài học và các nội dung học tập trong tuần (thông qua các hoạt động đọc, nói và nghe, luyện tập về từ và câu). Nhờ đó, tất cả các nội dung trong bài học đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho học sinh, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết văn.

Trong những năm gần đây, việc dạy Tiếng Việt, hoạt động viết (đoạn văn, bài văn) ở Tiểu học đã có nhiều chuyển biến; thể hiện rõ nhất là yêu cầu chuyển từ dạy học nội dung sang dạy học phát triển năng lực. Dạy và học theo hướng phát triển năng lực là giáo viên "trao quyền" cho học sinh nhiều hơn. Sẽ không phải là những bài văn theo khuôn mẫu máy móc mà là những bài viết theo cách cảm,

cách nghĩ của từng cá nhân học sinh. Tuy nhiên, để chuẩn bị cho quá trình sáng tạo đó, giáo viên cần phải vượt qua thách thức rất lớn đó là xóa bỏ cách dạy nhồi nhét, áp đặt, đọc chép văn mẫu, thay vào đó là khuyến khích những suy nghĩ chân thực và cách trình bày sáng tạo của người học.

## 2. Thực trạng của việc viết văn miêu tả của học sinh lớp 4

Để hoàn thành bài văn miêu tả, đối với học sinh lớp 4 thường gặp rất nhiều khó khăn. Do đặc điểm tâm lí, học sinh tiểu học khả năng tập trung chú ý quan sát chưa tinh tế, năng lực sử dụng ngôn ngữ chưa phát triển tốt, dẫn đến khi viết văn miêu tả, học sinh còn thiếu vốn hiểu biết về đối tượng miêu tả,...hoặc không biết cách diễn đạt điều muốn tả. Đối với giáo viên đây cũng là kiểu bài khó dạy. Giáo viên còn thiếu linh hoạt trong vận dụng phương pháp và chưa sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động học tập của học sinh. Vì vậy, không phải giờ dạy văn miêu tả nào cũng đạt hiệu quả như mong muốn, và không phải giáo viên nào cũng dạy tốt văn miêu tả. Việc tìm tòi phương pháp để hướng dẫn học sinh quan sát, tìm ý, lập dàn ý, tưởng tượng,... còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của vấn đề này là do đặc điểm tâm lí trẻ chưa ổn định. Phần lớn các em còn ham chơi, khả năng tập trung, chú ý, quan sát chưa tinh tế; năng lực sử dụng ngôn ngữ chưa phong phú; vốn sống và những hiểu biết về đối tượng miêu tả còn hạn chế,...

Phân đồng giáo viên đứng lớp đã chia sẻ học sinh rất ngại học phân môn Tập làm văn, nhất là khi thực hiện yêu cầu viết bài văn hay đoạn văn. Thực tế cho thấy, bên cạnh những đoạn văn, bài văn có chất lượng tốt vẫn còn một số bài làm chưa tốt, tồn tại một số hạn chế như: Bài làm của các em còn viết theo một lối mòn khuôn sáo, ít cảm xúc, nghèo hình ảnh, lặp từ. Đặc biệt là các em dùng từ, đặt câu chưa chính xác, chưa biết sử dụng các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa...). Các em còn mắc nhiều lỗi về cấu tạo câu, ý nghĩa của câu, diễn đạt còn lủng củng, cảm xúc còn gượng ép. Bài viết còn sai chính tả. Cách làm còn chung chung, chưa cụ thể hóa dẫn đến năng lực viết văn nhất là văn miêu tả của học sinh còn hạn chế và tồn tại nhiều lỗi như: lỗi về ngữ pháp, lỗi về cách dùng từ, sử dụng từ chưa đúng nghĩa, lỗi lặp từ ngữ, lỗi diễn đạt,...

## 3. Phương pháp nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng, bao gồm: khảo sát thực trạng năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp 4; phân tích bài viết miêu tả của học sinh; phỏng vấn giáo viên và học sinh để thu thập ý kiến; thực nghiệm áp dụng một số giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ.

+ Khảo sát học 36 sinh của lớp 4A, Trường Tiểu học Hua La, xã Chiềng Ngần;

+ Khảo sát 35 học sinh của lớp 4D, Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, phường Tô Hiệu.

Kết quả khảo sát chất lượng đầu năm như sau:

Tên lớp	Tên trường	Số	Điểm							
			0 - 5		5 - 6		7 - 8		9 - 10	
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
4A	TH Hua La	36	7	19,4	12	33,3	11	35,6	6	11,7
4D	TH Trần Quốc Toàn	35	4	11,4	12	34,3	11	31,4	8	22,9
Tổng		71	11	15,5	24	33,8	22	31,0	14	20,7

Hình 1. Tỉ lệ chất lượng khảo sát học sinh hoàn thành môn Tiếng Việt trước khi áp dụng giải pháp

Từ kết quả khảo sát thống kê trên biểu đồ cho thấy tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành môn Tiếng Việt ở cả 2 lớp trên 2 trường còn cao chiếm tới 20,7%, tỉ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt chưa nhiều cụ thể 51,7%.

Xuất phát từ thực trạng và những thực tiễn khảo sát, nhóm tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp dạy học sau nhằm mục đích nâng cao kĩ năng viết câu đúng và hay trong bài văn miêu tả cho học sinh lớp 4.

#### 4. Đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ giúp học sinh lớp 4 học tốt văn miêu tả

##### *Giải pháp 1: Sử dụng kỹ thuật "Đặt câu hỏi"*

##### a. Mục đích

Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi là biện pháp giúp học sinh viết đúng câu văn miêu tả từ đó viết được câu mở rộng; phát triển thành phần và nội dung của câu.

##### b. Mô tả biện pháp

Để giúp học sinh viết đúng câu văn miêu tả, giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào 4 câu hỏi gợi ý sau:

STT	Câu hỏi gợi ý	Mục đích
1	Ai? /Cái gì? /Con gì?	Giúp học sinh xác định được đối tượng miêu tả.
2	Làm gì? /Thế nào?	Giúp học sinh diễn tả được hoạt động/ trạng thái/ đặc điểm/ tính chất, ... của chủ thể vừa nói đến.
3	Khi nào? /Ở đâu?	Giúp HS mở rộng về không gian, thời gian cho đối tượng được miêu tả.
4	Vì sao?	Giúp học sinh làm rõ lí do mà mình chọn tả.

Ví dụ, để viết câu mở đoạn cho đoạn văn tả con vật, học sinh có thể sử dụng các câu hỏi để tạo câu như sau:

Sản phẩm thu được của học sinh sau khi sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi.,



*Chú mèo rất dễ thương, đó là món quà sinh nhật bà ngoại tặng em nhưn dịp sinh nhật lần thứ mười.*

(Bài làm của học sinh 1)

*Vào phiên chợ quê của họ năm ngoái, bố mua cho em một chú chó đêm rất đáng yêu.*

(Bài làm của học sinh 2)



(Sản phẩm của học sinh sau khi sử dụng 4 dạng câu hỏi)

**Lưu ý:** Trong kỹ thuật đặt câu hỏi giáo viên cần thiết kế: Câu hỏi 1 và 2 là dạng câu hỏi giúp học sinh tạo được câu đúng; câu hỏi 3 và 4 là dạng câu hỏi giúp học sinh biết mở rộng câu.

Tiếp theo là một ví dụ về viết câu văn miêu tả hoạt động của chú mèo. Các em cũng có thể sử dụng câu hỏi để tạo câu như sau:

**Ví dụ 2:**

**Câu hỏi**

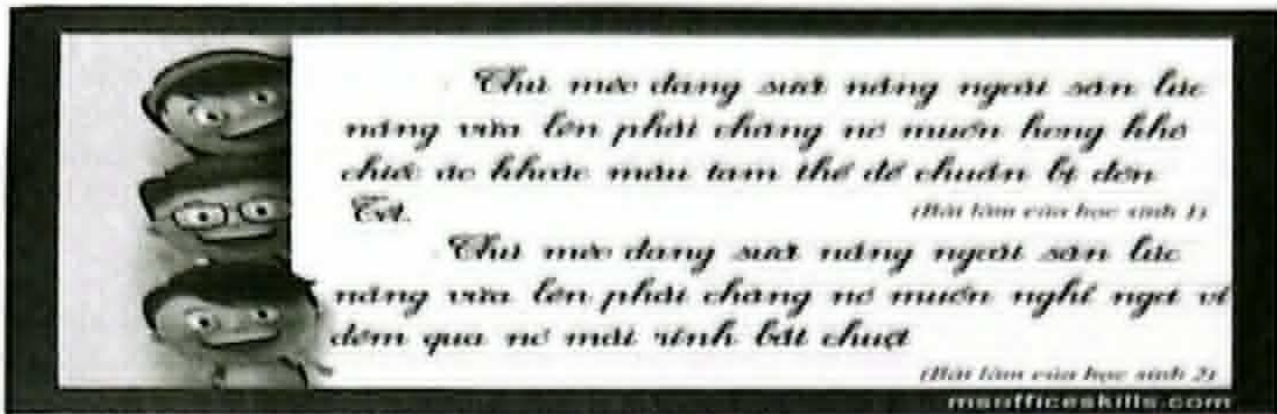
1. Chú mèo đang làm gì?
2. Chú mèo sưởi nắng khi nào?
3. Vì sao chú mèo lại sưởi nắng?

**Trả lời**

- Chú mèo đang sưởi nắng ngoài sân
- khi mặt trời vừa lên
- Vì chú muốn hong khô bộ lông màu tam thể của mình / Vì chú muốn nghỉ ngơi sau một đêm rình bắt chuột.



(Minh họa quá trình sử dụng 4 dạng câu hỏi của học sinh)



(Sản phẩm của học sinh sau khi sử dụng 4 dạng câu hỏi)

Lưu ý: Tùy vào từng trường hợp, với học sinh sử dụng linh hoạt các câu hỏi trên sao cho câu phù hợp song không nhất thiết phải sử dụng cả 4 dạng câu hỏi khi tạo câu.

c. Kết quả bài làm của học sinh:

Đề bài: Tả hoạt động của chú mèo

Bài làm

Chú mèo rất dễ thương, đó là món quà sinh nhật bà ngoại tặng em nhân dịp sinh nhật lần thứ mười. Chú mèo ấy rất cute. Bất kì con chuột nào cũng không thoát khỏi móng vuốt sắc nhọn của chú. Sáng nay, chú nằm sưởi nắng ngoài sân lúc nắng vừa lên, phải chăng nó muốn hong khô chiếc áo khoác màu tam thể để chuẩn bị đón Tết...

d. Nhận xét: Từ việc hướng dẫn học sinh sử dụng các câu hỏi gợi mở trên hầu hết các em đã viết được câu đúng và biết cách mở rộng để được câu văn hay hơn. Tuy nhiên, trong quá trình tạo câu học sinh còn hạn chế trong cách dùng từ, đôi khi dùng từ tối nghĩa.

**Giải pháp 2: Kỹ thuật tạo từ hay**

Ngôn từ là phương tiện giúp người viết vẽ lại cảnh và vật theo cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của mình. Để học sinh biết cách dùng từ và tạo từ hay khi viết câu, giáo viên nên hướng dẫn và khuyến khích học sinh sử dụng một cách linh hoạt các từ ghép, từ láy; các từ chỉ hoạt động, các tính từ chỉ màu sắc, hình khối, tính chất, mức độ để tăng khả năng gợi hình và gợi nhạc cho câu văn.

Sự sống của bài văn nằm trong hình ảnh. Thông qua việc sử dụng ngôn từ và hình ảnh, học sinh được bộc lộ cảm xúc và cá tính của mình qua các câu văn. Để có được câu văn hay trước hết phải bắt nguồn từ những từ hay.

Kỹ thuật tạo từ:

Mở rộng từ thành cụm từ ----- Sử dụng từ đồng nghĩa

(1) Mở rộng từ thành cụm từ

Công thức 1: Thêm tính từ vào sau động từ và danh từ (có hình minh họa)

Ví dụ: Từ động từ ban đầu là "chạy" có thể thêm vào sau động từ này các tính từ như: vù vù; huỳnh huých; lon ton. Kết quả:

Ta sẽ được các cụm động từ: chạy vù vù, chạy huỳnh huých, chạy lon ton.

Khi viết đoạn văn tả hoạt động của em bé, học sinh đã viết được câu như sau:

Em bé đang chạy ở ngoài sân. (cách viết này chưa có sức gợi tả)

Sau khi áp dụng công thức trên, học sinh đã sửa câu như sau:

Em bé chạy lon ton ở ngoài sân. (cách viết này giúp người đọc, người nghe hình dung được vẻ ngộ nghĩnh, đáng yêu của em bé).

Ví dụ: Từ danh từ ban đầu là từ "mưa" ta có thể thêm vào sau danh từ này các tính từ như: mưa xối xả; mưa rào rích; mưa ầm ầm.

Công thức 2: Thêm tính từ vào trước danh từ hoặc động từ (có hình minh họa).

Ví dụ: Với danh từ "sao", ta có thể thêm tính từ và tạo câu như sau: bát ngát sao → Bát ngát sao đua với gió (ý nói sao nhiều và ở trên trời cao rộng).

Ví dụ: Với danh từ "giếng nước" chúng ta có thể thêm tính từ như sau:

Lung linh + giếng nước  
 Lung linh giếng nước  
 (ý nói nhìn xuống giếng thấy ánh trăng lung linh)

Lưu ý: Để tạo được các cụm từ có hình ảnh, khi thêm tính từ vào trước hoặc sau Danh từ hoặc Động từ, tôi hướng dẫn giáo viên khuyến khích các em sử dụng các tính từ là Từ láy hoặc Từ ghép chỉ mức độ.

*(2) Sử dụng từ đồng nghĩa, từ ngữ thay thế*

Khi học sinh thực hành viết đoạn văn, chúng tôi thường khuyến khích các em sử dụng từ đồng nghĩa, cụm từ thay thế để tạo sự liên kết câu, tránh được lỗi lặp từ, tạo thêm ý mới cho đoạn văn và tăng sức biểu cảm. Ví dụ:

*Thế là Míc đã về làm bạn với gia đình em được gần hai năm rồi đấy. Míc có dáng lưng lừng như một chú bê con. Ai ai cũng nể phục bởi cái tài đánh hơi và giữ nhà của Míc.*

Trong ví dụ trên, từ Míc (tên của chú chó) được lặp lại ba lần. Nếu thay từ đó bằng các từ ngữ khác như “Anh chàng này” hoặc “chàng vệ sĩ tài năng ấy” sẽ làm cho đoạn văn hay hơn.

Bài viết được sửa lại:

*Thế là Míc đã về làm bạn với gia đình em được gần hai năm rồi đấy. Anh chàng này có dáng lưng lừng như một chú bê con. Ai ai cũng nể phục bởi cái tài đánh hơi và giữ nhà của chàng vệ sĩ tài năng ấy.*

Tác dụng của việc dùng từ đồng nghĩa, từ ngữ thay thế: tránh được lỗi lặp từ, tạo ra sự liên kết câu trong đoạn văn; có thêm ý mới; tăng sức biểu cảm hơn.

**Nhận xét:** Với việc sử dụng kĩ thuật tạo từ hay, bản thân mỗi giáo viên áp dụng giải pháp đều nhận thấy hầu hết vốn từ của các em đều được mở rộng, cách dùng từ để viết câu linh hoạt và phong phú hơn trước.

**Giải pháp 3: Kĩ thuật tạo câu có hình ảnh so sánh**

So sánh là biện pháp tu từ sử dụng nhằm đối chiếu các sự vật, sự việc này với các sự vật, sự việc khác giống nhau trong một điểm nào đó với mục đích tăng gợi hình và gợi cảm khi diễn đạt. Biện pháp tu từ này giúp tạo câu văn hay, giàu hình ảnh. Nội dung này các em đã học từ lớp dưới. Tuy nhiên, khi viết văn, học sinh chưa có thói quen sử dụng biện pháp tu từ này hoặc khi sử dụng phép so sánh, các sự vật không tương đồng về hình dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh... Chính vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, chúng ta nên xây dựng một số dạng bài tập giúp học sinh biết tạo hình so sánh và viết câu văn có hình ảnh so sánh.

**Dạng 1:** Dựa vào hình ảnh gợi ý, viết câu văn có sử dụng phép so sánh.

Mục đích: Giúp học sinh viết được câu văn có hình ảnh, gợi cảm.

Ví dụ:

Nhìn		..... như		
		..... như		
		..... như		

Với dạng bài tập này, sau khi tìm được từng từ tương ứng với hình ảnh, học sinh viết được các câu như sau:

- Những bông hoa đẹp tươi như nụ cười toàn năng của cậu bé.*
- Cánh đồng lúa chín vàng óng như một tấm lụa hoàng kim.*
- Con lợn béo tròn như một quả sim tím.*